Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

**CHƯƠNG V: PHÂN SỐ**

# BÀI 4. PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ PHÂN SỐ

(Số tiết: 02)

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này, HS sẽ được khám phá các nội sung sau:

- Quy tắc cộng, trừ hai phân số.

- Quy tắc dấu ngoặc.

- Tính chất của phép cộng phân số.

- Số đối và quy tắc dấu ngoặc.

**2. Năng lực**

***- Năng lực chung:***

+ Tự chủ và tự học: Tự thực hiện các nhiệm vụ giáo viên giao để hình thành quy tắc, tự nghiên cứu, thảo luận và trình bày trong hoạt động luyện tập, vận dụng và mở rộng.

+ Giao tiếp và hợp tác: Phân công nhiệm vụ cho các thành viên, hợp tác nhóm để hoàn thành bài tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng quy tắc để giải quyết bài toán.

***- Năng lực riêng:***

+ Viết được kí hiệu số đối của phân số .

+ Tìm được số đối của phân số đã cho.

+ Nêu được quy tắc cộng, trừ hai phân số.

+ Thực hiện được cộng, trừ các phân số.

+ Nêu được tính chất của phép cộng phân số, quy tắc dấu ngoặc.

+ Sử dụng được tính chất phép cộng phân số, quy tắc dấu ngoặc để tính hợp lí.

**3. Phẩm chất**

- Trung thực: Khách quan, công bằng, đánh giá chính xác phần nhận xét, bài làm của bạn, nhóm bạn.

- Chăm chỉ: Chăm học, ham đọc sách, có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào học tập và đời sống hằng ngày.

- Trách nhiệm: có ý thức sử dụng thời gian hợp lý trong các hoạt động học tập, khi tham gia vào hoạt động nhóm, xây dựng bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV**:Bảng phụ ghi đề bài hoạt động khám phá 1, ghi quy tắc dấu ngoặc.

**2 - HS**: Ôn lại quy tắc cộng, trừ hai phân số đã học ở tiểu học. Đọc trước bài.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục đích:** Hs nêu được quy tắc cộng hai phân số cùng mẫu, khác mẫu với tử và mẫu là các số tự nhiên, mẫu khác 0 đã được học ở Tiểu học.

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh:

“Muốn cộng hai phân số cùng mẫu, ta cộng tử và giữ nguyên mẫu chung. Muốn cộng hai phân số khác mẫu, ta quy đồng mẫu của chúng rồi cộng hai phân số có cùng mẫu”

**d. Tổ chức thực hiện:**

 **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS nêu quy tắc cộng hai phân số cùng mẫu, khác mẫu, với tử và mẫu là các số tự nhiên, mẫu khác 0 đã được học ở Tiểu học.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**-** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 30 giây.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “ Để biết quy tắc cộng hai phân số với tử và mẫu là các số nguyên, mẫu khác 0 có giống hay khác quy tắc cộng hai phân số với tử và mẫu là các số tự nhiên đã được học ở Tiểu học, chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.”

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Phép cộng hai phân số**

**a. Mục tiêu:**

**+** HS nêu được quy tắc cộng hai phân số cùng mẫu và không cùng mẫu.

+ Học sinh cộng thành thạo hai phân số.

**b. Nội dung:**

**+** GV giảng, trình bày.

+ HS tiếp thu, quan sát SGK, trả lời và làm bài.

**c. Sản phẩm:** Học sinh thực được phép cộng hai phân số.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**- GV treo bảng phụ đề bài hoạt động KP 1. - Cho HS làm các yêu cầu a, b và xác định số tiền có của mỗi người sau hai tháng.- GV giới thiệu qui tắc cộng phân số đã học ở tiểu học vẫn được áp dụng đối với các phân số có tử và mẫu là các số nguyên.- GV nêu ví dụ, yêu cầu HS tính.- Để áp dụng qui tắc cộng hai phân số ở câu c, em phải làm gì?- Muốn cộng hai phân số không cùng mẫu ta làm như thế nào?- Em hãy nhắc lại cách qui đồng mẫu số hai phân số?- GV gọi 3 HS lên bảng trình bày.- Em hãy phát biểu qui tắc cộng hai phân số cùng mẫu?- Em hãy viết dạng tổng quát của cộng hai phân số cùng mẫu?- Em hãy phát biểu qui tắc cộng hai phân số không cùng mẫu?- Nghiên cứu ví dụ 2/ SGK trang 16 và làm thực hành 1.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoạt động cá nhân- GV quan sát và trợ giúp các nếu HS cần **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** - HS trình bày câu trả lời của mình.- Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn. - Ứng với mỗi phần luyện tập, một HS lên bảng chữa, các học sinh khác làm vào vở.**Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức:- Muốn cộng hai phân số có cùng mẫu số, ta cộng tử với nhau và giữ nguyên mẫu số.- Muốn cộng hai phân số có mẫu khác nhau, ta quy đồng mẫu số của chúng, sau đó cộng hai phân số có cùng mẫu. | **1. Phép cộng hai phân số:**HĐKP1:a) Số tiền thu được của mỗi người trong tháng đầu : (triệu đồng)Số tiền mỗi người thu được trong tháng hai:  (triệu đồng) b) Số tiền mỗi người thu được sau hai tháng: (triệu đồng)Ví dụ:a) b) c)  (a; b; m; m ≠ 0)Thực hành 1:a) b) |

**Hoạt động 2: Một số tính chất của phép cộng phân số**

**a. Mục đích:**

+ Hs biết các tính chất cơ bản của phép cộng phân số và vận dụng được vào tính hợp lí.

**b. Nội dung:** HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

**c. Sản phẩm:** HS sử dụng được tính chất phép cộng phân số để tính hợp lí.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - Em hãy nhắc lại tính chất cơ bản của phép cộng số nguyên.**-**Phép cộng phân số cũng có các tính chất như vậy. Vậy phép cộng phân số có các tính chất nào?- GV: Nhờ các tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng mà khi cộng nhiều phân số, ta có thể đổi chỗ hoặc nhóm các phân số lại theo bất cứ cách làm nào sao cho thuận tiện trong việc tính toán.- Nêu ví dụ, hướng dẫn HS thực hiện từng bước.- Thực hiện thực hành 2.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  -HS Hoạt động cá nhân hoàn thành các yêu cầu và phần thực hành.-GV: quan sát, giảng, phân tích, lưu ý và trợ giúp nếu cần.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** **-** HS chú ý lắng nghe, hoàn thành các yêu cầu.- HS trình bày câu trả lời của mình.- Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn. - Ứng với mỗi phần luyện tập, một HS lên bảng chữa, các học sinh khác làm vào vở. **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **2. Một số tính chất của phép cộng phân số**Ví dụ: Thực hành 2: |

**Hoạt động 3: Số đối**

**a. Mục đích:**

HS biết thế nào là hai phân số đối nhau, tìm được phân số đối và tự cho ví dụ.

**b. Nội dung:** HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

**c. Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV yêu cầu HS đọc hiểu nội dung mục này trong SGK và đọc các ví dụ minh họa ở trang 17.Sau khi đọc xong, GV yêu cầu HS cho biết thế nào là hai phân số đối nhau và cho ví dụ 2 số đối nhau- GV yêu cầu HS viết VD vào vở và gọi 1 HS lên bảng viết- GV lưu ý cho HS $-\frac{a}{b}$ = $\frac{-a}{b}=\frac{a}{-b}$- GV yêu cầu HS hoàn thành thực hành 3.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoạt động cá nhân- GV quan sát và trợ giúp các nếu HS cần **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** - HS đứng tại chỗ trình bày câu trả lời của mình.- Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn. **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **3. Số đối**Hai phân số là đối nhau nếu tổng của chúng bằng 0Kí hiệu số đối của phân số $\frac{a}{b}$ là $-\frac{a}{b}$ . Ta có: Ví dụ: Số đối của $\frac{2}{5}$ là $\frac{-2}{5}$ Số đối của $\frac{-7}{-9}$ là $\frac{7}{-9}$ *Thực hành 3:*a)Số đối của phân số là b) Số đối của phân số là c) Số đối của phân số  là d) Số đối của phân số là  |

**Hoạt động 4: Phép trừ hai phân số**

**a. Mục đích:**

+ Nắm được qui tắc trừ hai phân số, quy tắc bỏ ngoặc

+ Rèn luyện kĩ năng tính chính xác và cẩn thận.

**b. Nội dung:** HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

**c. Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** -Gv gọi 2 hs lên thực hiện ví dụ-Gọi HS lên so sánh hai kết quả vừa tìm được**-**  $\frac{-7}{-9}$ là $ gì của\frac{7}{-9}$ ?- Muốn trừ hai phân số ta làm như thế nào?- Yêu cầu HS hoàn thành thực hành 4**-** Gọi HS đọc quy tắc bỏ ngoặc sgk và đọc ví dụ 6 sgk- Yêu cầu HS hoàn thành thực hành 5**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS Hoạt động cá nhân hoàn thành các yêu cầu và phần luyện tập+ GV: quan sát, giảng, phân tích, lưu ý và trợ giúp nếu cần.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** **+** HS chú ý lắng nghe, hoàn thành các yêu cầu. + Ứng với mỗi phần luyện tập, một HS lên bảng chữa, các học sinh khác làm vào vở.**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **4. Phép trừ hai phân số:**Ví dụ: Tínha) $\frac{4}{-9}-\frac{-7}{-9}= \frac{11}{-9}$b) $\frac{4}{-9}+\frac{7}{-9}=\frac{11}{-9}$Vậy $\frac{4}{-9}-\frac{-7}{-9}$ = $\frac{4}{-9}+\frac{7}{-9}$*Thực hành 4:**Thực hành 5:*-$\left(-\frac{3}{4}\right)-\left(\frac{2}{3}+ \frac{1}{4}\right)$= $\frac{3}{4}-\frac{2}{3}+\frac{1}{4}=\left(\frac{3}{4}+\frac{1}{4}\right)-\frac{2}{3}$= 1 - $\frac{2}{3}$ = $\frac{1}{3}$ |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 1 và 2 SGK – tr18

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án

**-** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục đích:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức

**b. Nội dung:** GV đưa ra câu hỏi, HS giải đáp nhanh

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*-* GV cho HS trả lời các câu hỏi sau :

Câu 1 : Kết quả của phép tính  là :

**A.** 1 **B.**  **C.**  **D.** -1

Câu 2: Số đối của $\frac{2}{3}$ là:

1. $\frac{2}{3}$ B. $\frac{-2}{3}$ C. $\frac{3}{2}$ D. $\frac{-2}{-3}$

Câu 4: Phân số thích hợp để điền vào chỗ trống: $\frac{-8}{13}-…=0$

1. $\frac{8}{13}$ B. $\frac{-8}{13}$ C. $\frac{4}{13}$ D. $\frac{-4}{13}$

Câu 5: Kết quả của phép tính $\frac{13}{-17}+\left(\frac{13}{-21}+\frac{13}{17}\right)$ là :

1. 0 B. $\frac{-21}{13}$ C. -1 D. $\frac{-13}{21}$

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp****đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:+ Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.+ Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.+ Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:+ GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..+ GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.- Hệ thống câu hỏi và bài tập- Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*